

I. Write these phrases in English.

Đáng sợ

To

Đẹp

Nhanh

Dễ thương

Buồn cười

Ở một khách sạn

Ăn hải sản

Xây lâu đài cát

Đi du thuyền

II. Translate into English (using “be going to” structure).

1. Bạn sẽ đi đâu mùa hè này?

.....

2. Tôi sẽ đến vịnh Hạ Long.

.....

3. Bố mẹ tôi sẽ đi Sa Pa mùa hè tới.

.....

4. Ngày mai cô ấy sẽ đi đâu?

.....

5. Bố bạn sẽ đi Nha Trang tháng sau phải không?

.....

6. Tháng 12 họ sẽ đi đâu?

.....

7. Bạn sẽ làm gì?

.....

8. Tôi sẽ ở 1 khách sạn lớn.

.....

9. Anh ấy sẽ làm gì?

.....

10. Anh ấy sẽ đi du thuyền.

.....

11. Họ sẽ làm gì?

.....

12. Họ sẽ xây lâu đài cát.

.....

13. Mary sẽ làm gì?

.....

14. Cô ấy sẽ ăn hải sản.

.....

III. Put the correct form of the verb in brackets.

1. She (not study)..... on Saturday.
2. He (have) a new haircut today.
3. I usually (have) Breakfast at 6: 30.
4. Peter (not study)..... very hard. He never gets high scores.
5. My mother often (teach)..... me English on Saturday evenings.
6. I like Maths and she (like)..... Literature.
7. My sister (wash)..... the dishes every day.
8. They (not have)..... breakfast every morning.
9. My brothers often (sleep)..... on the floor.
10. He sometimes (stay)..... up late.

IV. Fill in the blank with “don’t/ doesn’t”.

1. I like tea.
2. He play football in the afternoon.
3. You go to bed at midnight.
4. They.....do the homework on weekends.
5. The busarrive at 8.30 a.m.
6. My brotherfinish work at 8 p.m.
7. Our friends live in a big house.
8. The cat like me.

V. Find the mistake in each sentence and correct it.

1. What does they wear at their school?
.....
2. Do he go to the library every week?
.....
3. Tommy always watch TV at 9 p.m before going to bed at 10 p.m.
.....
4. Sometimes, we goes swimming together with her family.
.....
5. How does Linda carries such a heavy bag?
.....